

Những điểm mới đáng chú ý của Luật Đầu tư 2025

Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 (“Luật Đầu tư 2025”), thay thế Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (“Luật Đầu tư 2020”), sẽ chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2026.

Luật Đầu tư 2025 có nhiều sửa đổi và bổ sung quan trọng, thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều chỉnh cách thức quản lý đầu tư theo hướng rõ ràng, linh hoạt hơn. Trong đó, một số quy định mới liên quan đến điều kiện đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ chế ưu đãi đầu tư và phân cấp thẩm quyền, v.v., có thể có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết này sẽ đi qua một số nội dung sửa đổi của Luật Đầu tư 2025 mà nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có thể quan tâm.

1. Nhà đầu tư nước ngoài không phải có dự án trước khi thành lập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, trước khi thành lập tổ chức kinh tế (bao gồm cả doanh nghiệp) tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư và thực hiện thủ tục xin cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (“GCNĐKĐT”).

Tuy nhiên, Luật Đầu tư 2025 sẽ cho phép nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục xin cấp GCNĐKĐT, với điều kiện đáp ứng các yêu cầu về tiếp cận thị trường áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế. Theo dự thảo Nghị định hướng dẫn các quy định tại Luật Đầu tư 2025 đang được Chính phủ xây dựng, thời hạn để hoàn thành thủ tục xin cấp GCNĐKĐT là 06 tháng kể từ ngày

thành lập tổ chức kinh tế.

Đây có thể được coi là một trong những điểm mới nổi bật của Luật Đầu tư 2025 so với Luật Đầu tư 2020, góp phần bảo đảm nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện các thủ tục này.

2. Thay đổi về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh

So với Luật Đầu tư 2020, Luật Đầu tư 2025 đã cắt giảm gần 40 ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, theo đó, doanh nghiệp không còn phải xin cấp phép để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề này. Một số ngành được đưa ra khỏi danh mục đáng chú ý bao gồm: (i) trong lĩnh vực logistics – xuất nhập khẩu – vận tải như: hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hàng thực phẩm đông lạnh, và hàng hóa đã qua sử dụng; kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức; dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; và dịch vụ lai dắt tàu biển; (ii) trong lĩnh vực xây dựng, như: các ngành như hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài và dịch vụ kiến trúc; (iii) trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ công nghiệp, như dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô; (iv) trong lĩnh vực công nghệ và hạ tầng dữ liệu, như dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ lưu trữ; v.v.

Luật Đầu tư 2025 cũng điều chỉnh lại phạm vi của khoảng 20 ngành nghề có điều kiện khác, chẳng hạn như: (i) đối với Dịch vụ in, hoạt động in bao bì không chứa nhãn hàng hóa không còn thuộc phạm vi phải xin cấp phép của nhà nước, hay (ii) ngành Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình được điều chỉnh thành “Hành nghề Chỉ huy trực tiếp công trình”, theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong ngành này không còn thuộc diện phải đáp ứng điều kiện đầu tư và cấp doanh nghiệp, mà việc quản lý điều kiện được áp dụng đối với cá nhân giữ chức danh Chỉ huy trực tiếp công trình theo quy định của pháp luật xây dựng. Danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư 2025 sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

Ngoài ra, Luật Đầu tư 2025 đã luật hóa việc xếp ngành nghề “Kinh doanh thuộm lá điện tử, thuộm lá nung nóng” vào Danh mục ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, trên cơ sở kế thừa và cụ thể hóa chủ trương đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết 173/2024/QH15 (có hiệu lực từ 01/01/2025).

3. Các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư

Nếu như Luật Đầu tư 2020 không xác định trực tiếp các loại dự án phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư mà chỉ quy định theo thẩm quyền chấp thuận của từng cơ quan có thẩm quyền, thì Luật Đầu tư 2025 đã tiếp cận theo hướng quy định cụ thể 20 loại dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm tính rõ ràng, đồng bộ và thuận lợi trong quá trình áp dụng.

Đồng thời, Luật Đầu tư 2025 cũng điều chỉnh thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng tăng cường phân cấp. Theo đó Quốc hội chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt, khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với một số dự án quan trọng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng; trong khi UBND cấp tỉnh được quyết định đối với nhiều loại dự án hơn. Chẳng hạn, đối với các dự án xây dựng nhà ở và khu đô thị, Luật Đầu tư 2025 giao thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho UBND cấp tỉnh mà không còn phân biệt quy mô diện tích hay dân số (trừ trường hợp đặc biệt), trong khi theo Luật Đầu tư 2020, các dự án có quy mô từ 50ha hoặc quy mô dân số từ 15.000 người trở lên thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

4. Thủ tục đầu tư đặc biệt

Về thủ tục đầu tư đặc biệt, Luật Đầu tư 2025 bổ sung “Trung tâm tài chính quốc tế” vào một trong các khu vực được hưởng thủ tục đầu tư đặc biệt khi dự án đầu tư được đặt tại đây, trừ

các dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ.

Theo quy định mới, Chính phủ sẽ quy định cụ thể các lĩnh vực được áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt, trong khi trước đây, các lĩnh vực này được quy định cứng tại Luật Đầu tư 2020.

5. Ngành nghề ưu đãi đầu tư

Thay vì liệt kê cụ thể các ngành, nghề được áp dụng ưu đãi đầu tư như trong Luật Đầu tư 2020, Luật Đầu tư 2025 (Điều 15) tiếp cận theo hướng dựa trên mục tiêu. Cụ thể, Luật Đầu tư 2025 đưa ra khái niệm “ngành, nghề ưu đãi đầu tư” là các ngành, nghề được ưu tiên thu hút đầu tư để thực hiện các mục tiêu xác định, đồng thời liệt kê các mục tiêu này. Một số mục tiêu được quy định trong Luật Đầu tư 2025 bao gồm: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số và công nghiệp bán dẫn; Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế số; ...” và các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội khác theo quy định.

6. Đối tượng áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Luật Đầu tư 2025 không còn quy định chi tiết yêu cầu về quy mô vốn, tỉ lệ độ giải ngân của dự án để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt mà giao cho Chính phủ quy định để phù hợp hơn với một số ngành nghề đặc thù như dược, công nghiệp công nghệ số, hoá chất.

(English) New Legal Framework on Personal Data Protection

in Vietnam

Rất tiếc, mục này chỉ tồn tại ở Tiếng Anh (Mỹ). For the sake of viewer convenience, the content is shown below in the alternative language. You may click the link to switch the active language.

On 1 January 2026, Vietnam's new personal data ("PD") protection regime came into force with the effectiveness of Law No. 91/2025/QH15 on Personal Data Protection ("PDPL") and Decree No. 356/2025/ND-CP detailing and implementing the PDPL ("Decree 356"), which replaces Decree No. 13/2023/ND-CP ("Decree 13").

The PDPL and Decree 356 mark a significant shift in Vietnam's PD protection regime, establishing a more comprehensive and enforceable legal framework. This new regime requires companies to pay close attention to their PD protection obligations and to proactively ensure their legal compliance. This article highlights key issues under the PDPL and Decree 356 that all companies should be aware of.

1. Overview: Why does PD protection matter and how could it affect my company?

Every company processes PD in its daily business operations. PD is a core element of almost all business interactions, from internal communications to major commercial transactions. Although PD protection was first introduced in Vietnam in 2023 under Decree 13, the absence of strong enforcement mechanisms and clear sanctions make many companies to treat compliance as a low priority, as it poses no immediate financial or legal risks.

The new PD protection legal framework establishes a fully institutionalized and enforcement-oriented regime, requiring companies to take PD protection seriously as a matter of legal compliance and risk management. Compared to Decree 13, the new framework introduces substantial changes that more clearly guide companies toward PD compliance, while also imposing penalties for non-compliance that may directly and immediately affect a company's interests.

2. Key highlight: What should my company know?

- Appointment of PD protection officer or department or

Outsourcing thereof: The first and most fundamental obligation of your company is to appoint a PD protection officer or a department in charge of those duties (collectively, the "DPO"), with their clear duties stated in an official corporate document. The DPO must meet several legal requirements under Decree 356, including, amongst others, (i) possessing a college degree or higher, (ii) 2-year working experience in relevant fields, e.g. legal affairs, information technology, cybersecurity. The laws are silent on residency or nationality requirements applicable to the DPO.

The DPO plays an a key role in ensuring the company's compliance with PD protection regulations since s/he is responsible for training and guiding all personnel in terms of PD within the company, developing internal policies and governance regulations, and preparing documentation to ensure lawful PD processing. The company may appoint an in-house DPO or engage a qualified PD protection service provider to satisfy these requirements.

- Consent: The company must standardize the consent collection procedures and post-collection storage to comply with increasingly stringent regulations, including in the event of a dispute, the burden of proof of consent from the data subject rests with (i) the data controller and (ii) data controller-cum-processor. Consent by default is clearly not permitted under PDPL and Decree 356. Alternatively, consent must be obtained after the data subjects fully understand legally required information, and all consent records must be fully traceable. In other words, a privacy notice/statement with required information must be available to the data subjects and then a prior explicit consent of the data subjects must be obtained by the company.

- PD Transfer: On an important note, PDPL and Decree 356 provide that PD transfer (whether on chargeable basis or not) for processing by laws, e.g. for providing services to the data subjects or for serving the legitimate interests of such data subjects, would not be deemed PD sale (which is normally prohibited by laws). This helps discriminate PD transfer and PD sale in many cases where the company involves in PD processing on chargeable basis. However, the relevant parties should note that PD transfer from PD transferor to PD transferee must have PD transfer agreements with statutory

contents.

- Administrative compliance obligations: PD processing impact assessment (“DPIA”) and/or an outbound PD transfer impact assessment (“TIA”) must be established by not only one but 3 parties, including (i) data controller, (ii) data controller-cum-processor and (iii) data processor from the date of PD processing and the same must be submitted by the aforementioned parties to the Ministry of Public Security within 60 days from the date of PD processing/ outbound PD transfer. However, the company is exempted from establishment of the TIA in several cases, including oversea PD transfer for the purpose of cross-border personnel management in accordance with labor rules, regulations, and collective bargaining agreements as prescribed by laws.

For the first time, it is required that the State authority shall evaluate and provide a response regarding whether the DPIA/TIA meets or does not meet the requirements as prescribed by laws within 15 days upon receiving the supplementation request from the State authority (rather than just request for supplement only if such document fails to meet the requirements, without any turnaround time, as experienced under the old Decree 13).

For company that has already submitted DPIA and/or TIA under the old Decree 13, resubmission of new dossiers is not required, but any updates to previously submitted dossiers must comply with the procedures and new templates prescribed under the PDPL and Decree 356.

- Employment-related obligations: Under the role of an employer, the company typically needs to obtain the consent of candidates on how the PD is processed (e.g. shared, retained) before processing the their PD for recruitment purpose. For employment, where an employment contract is terminated and no other agreement exists, the company needs to consider the statutory archive requirement period to retain the ex-employees’ PD in their archived corporate files. Without such basis, the company is required to immediately delete the PD of the relevant ex-employee.

- Specific regulatory requirements to various sectors: The PDPL and Decree 356 introduce PD protection regime for technology-related fields (including big data processing, AI and metaverse technologies, blockchain, and cloud computing)

as well as for the banking, finance and credit information sector.

- License for specific PD processing services (other than PD processing associated with a typical service): PD processing service has been introduced as a new conditional business line under the laws on investment. Then, Decree 356 provides further guidelines on (i) specific services/activities classified as PD processing service, e.g. service for scoring, ranking, and evaluating the trustworthiness of data subjects, services for collecting and processing PD online from websites, applications, software, and social networks, and (ii) statutory conditions applicable to PD processing service provider, including obtainment of license/certificate on satisfaction of the conditions for providing PD processing service from the Ministry of Public Security.

- Exemption for micro-enterprises, small enterprises, and start-ups: These entities are exempt from the obligation to appoint the DPO and to conduct and submit a DPIA and TIA during the first five years from 01 January 2026.

- Potential penalties: Pursuant to PDPL, if a company fails to fully comply with the laws, the company may encounter with an administrative penalty of up to five percent (5%) of the company's revenue and/or up to VND 3 billion, subject to the seriousness of the violation.

3. Actions to take: What should my company do to comply with the new PD protection framework?

- Appointment of/Outsourcing a DPO: As a first step, if your company do not fall within exemption cases, the company should appoint or outsource a qualified DPO to plan and coordinate PD compliance activities, as the DPO possesses the necessary expertise to walk all members of the company through the compliance process

- Assessment and improvement of current PD practices: led by the DPO, relevant company members should conduct a comprehensive assessment of their current PD processing activities and protection measures to identify the types of PD being processed, the number of data subjects involved, and respective plan the compliance actions required.

- Preparation and submission of DPIA and TIA: If the company that have not yet submitted DPIA and TIA, relevant members should coordinate to serve the preparation and submission of

these dossiers as soon as possible.

For further details or sector-specific guidance, or should you need any assistances in assessing and implementing PD compliance for your company, please contact us via the email address or phone number provided in the footer below. We are ready to support you in navigating these regulatory and complicated changes with confidence.

-

Có gì thay đổi trong quy định về thuế áp dụng với chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong năm 2026?

Thuế luôn là một yếu tố quan trọng quyết định cấu trúc cũng như sự thành, bại của một giao dịch chuyển nhượng vốn nói chung. Vì vậy, xác định mức thuế phải nộp cũng như cách thức thực hiện nghĩa vụ thuế trong các giao dịch chuyển nhượng vốn nói chung luôn được các bên đặc biệt coi trọng.

Nhìn chung, việc xác định mức thuế phải nộp cũng như thực hiện nghĩa vụ thuế tại Việt Nam sẽ phải tuân thủ nhiều quy định khác nhau, tùy theo đối tượng tham gia giao dịch chuyển nhượng vốn là tổ chức hay cá nhân, cư trú (có cơ sở thường trú) hay không cư trú (không có cơ sở thường trú). Ngoài ra, đối tượng chuyển nhượng là chứng khoán, cổ phần hay phần vốn góp, cũng là các yếu tố cần phải được xem xét kỹ khi xác định mức thuế phải nộp tại Việt Nam.

Hiện tại, có nhiều Luật và văn bản hướng dẫn thi hành về vấn đề này. Có thể kể tới các Luật như Luật Quản lý thuế (thay thế Luật Quản lý thuế 2019) được thông qua ngày 10/12/2025 và có

hiệu lực kể từ ngày 1/7/2026 (“Luật QLT 2025”), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (thay thế Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008) được thông qua ngày 14/6/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 1/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (“Luật Thuế TNDN 2025”), Luật Thuế thu nhập cá nhân (thay thế Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007) được thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2026 trừ các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026 (“Luật Thuế TNCN 2025”).

Hầu hết các văn bản hướng dẫn thi hành (bao gồm Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ tài chính) hiện đang trong quá trình soạn thảo và hoàn thiện. Trong số các Nghị định của Chính phủ, hiện mới chỉ có Nghị định số 320/2025/NĐ-CP (“NĐ 320/2025”), được ban hành ngày 15/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành (tức ngày 15/12/2025), quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN 2025.

Dưới đây là bảng tổng hợp về mức thuế suất áp dụng cho các giao dịch chuyển nhượng vốn nói chung:

	Thuế suất thuế TNCN		Thuế suất thuế TNDN	
	Chuyển nhượng vốn	Chuyển nhượng CK	Chuyển nhượng vốn	Chuyển nhượng CK

Cá nhân	Cư trú	20,0% hoặc 2,0% (Trước đây chỉ là 20%)	0,1% (Giữ nguyên như cũ)	—	—
	Không cư trú	20,0% hoặc 2,0% (Trước đây chỉ là 0,1%)	0,1% (Giữ nguyên như cũ)	—	—
Tổ chức	Có cơ sở thường trú	—	—	20,0% (Giữ nguyên như cũ)	0,1% (Giữ nguyên như cũ)
	Không có cơ sở thường trú	—	—	2,0% (Trước đây là 20%)	0,1% (Giữ nguyên như cũ)

Từ bảng tổng hợp trên, có một số vấn đề sau cần lưu ý:

- Xác định giao dịch chuyển nhượng vốn, chứng khoán: Liên đầu tiên, Luật Thuế TNDN 2025 và đặc biệt là ND 320/2025 đã xác định rõ thế nào là giao dịch chuyển nhượng vốn và giao dịch chuyển nhượng chứng khoán, thông qua việc phân biệt rõ thế nào là thu nhập từ chuyển nhượng vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Theo ND 320/2025 (Điều 13.1), “thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của doanh nghiệp đã đầu tư cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển

nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật), chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán”.

Theo NB 320/2025 (Điều 14.1), “thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán”.

- Xác định mức thuế suất áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chứng khoán: Trong khi mức thuế suất áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (là mức 0,1% tính trên thu nhập chịu thuế) được giữ nguyên, không có sự thay đổi trong Luật Thuế TNDN 2025, Luật Thuế TNCN 2025 so với các Luật cũ, thì đã có sự thay đổi căn bản về mức thuế suất áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn, áp dụng đối với cả cá nhân và doanh nghiệp.

Với cá nhân, trước đây, Luật Thuế TNCN 2007 phân biệt rõ mức thuế suất khác nhau đối với cá nhân cư trú (mức thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn) và cá nhân không cư trú (mức thuế suất là 0,1% tính trên thu nhập chịu thuế được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn). Hiện nay, Luật Thuế TNCN 2025 áp dụng chung mức thuế suất là 20% tính trên thu nhập tính thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ đi giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn, không phân biệt cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú. Trường hợp không xác định giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn thì thuế thu nhập cá nhân sẽ được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân với thuế suất là 2%, không phân biệt cá nhân cư trú hay cá nhân không cư trú.

Với doanh nghiệp, trước đây, theo Luật Thuế TNDN 2008, còn tồn tại các ý kiến khác nhau về việc áp mức thuế nào (mức thuế suất 20% hay 0,1% tính trên thu nhập chịu thuế) cho thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán. Hiện nay, theo Luật Thuế TNDN 2025 và ND 320/2025, mức thuế suất 20% áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn sẽ được áp dụng cho thu nhập chịu thuế của các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của các công ty cổ phần nói trên. Như vậy, hiện tại, mức thuế suất 0,1% tính trên thu nhập chịu thuế sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ các giao dịch chuyển nhượng chứng khoán, như được xác định ở phần trên.

- Trước đây, Luật Thuế TNDN 2008 áp dụng chung thống nhất mức thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế, mà không có sự phân biệt về đối tượng nộp thuế giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài, giữa doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam và doanh nghiệp không có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Hiện nay, Luật Thuế TNDN 2025 đã có sự phân biệt về mức thuế suất áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn giữa các đối tượng này. Đồng thời, theo ND 320/2025, về cơ bản, mức thuế suất 2% tính trên “doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam” (thay cho mức thuế suất 20%), sẽ được áp dụng chung cho các giao dịch chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam. Tuy nhiên, cũng theo ND 320/2025, các bên sẽ không phải nộp thuế TNDN phát sinh tại Việt Nam, nếu đó là giao dịch chuyển nhượng vốn nhằm mục đích tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn, không làm thay đổi công ty mẹ tại cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không làm phát sinh thu nhập.

Thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc với người lao động trong năm 2026 thế nào?

Đề nghị bộ hóa quy định về các chế độ bảo hiểm thuộc hệ thống an sinh xã hội, nhiều Luật và văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành chỉ trong một thời gian ngắn vừa qua. Luật Bảo hiểm xã hội (thay thế Luật Bảo hiểm xã hội 2014) đã được thông qua ngày 29/6/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025 (“Luật BHXH 2024”), Luật An toàn vệ sinh lao động sửa đổi (sửa đổi Luật An toàn vệ sinh lao động 2015) đã được thông qua ngày 16/9/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025 (gọi chung, theo văn bản hợp nhất là “Luật ATVSLĐ (VBHN) 2024”), Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi (sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế 2008) đã được thông qua ngày 27/11/2024 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025 (gọi chung, theo văn bản hợp nhất là “Luật BHYT (VBHN) 2024”), và Luật Việc làm (thay thế Luật Việc làm 2013) đã được thông qua ngày 16/6/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2026 (“Luật VL 2025”).

Như vậy, kể từ ngày 1/7/2025, các chế độ bảo hiểm thuộc hệ thống an sinh xã hội, bao gồm bảo hiểm xã hội (“BHXH”), bảo hiểm thất nghiệp (“BHTN”), bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (“BHTNLD-BNN”), và bảo hiểm y tế (“BHYT”), đã có nhiều thay đổi đáng kể.

Có nhiều đối tượng chịu sự tác động từ các thay đổi nói trên. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi chỉ xin nêu các thay đổi của các chế độ bảo hiểm nói trên với đối tượng là người lao động (“NLĐ”) và người sử dụng lao động (“NSDLĐ”) theo chế độ hợp đồng lao động (“HĐLĐ”), được quy định tại Luật BHXH 2024 (Điều 2.1.(a)) và được quy định, dẫn

chiếu tương tự tại Luật VL 2025, Luật ANVSLĐ (VBHN) 2024 và Luật BHYT (VBHN) 2024. Cụ thể, đó là “người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên.”

Dưới đây là bảng tổng hợp về mức đóng, căn cứ đóng các chế độ bảo hiểm:

Stt	Các chế độ bảo hiểm	Mức đóng			Căn cứ đóng (Thấp nhất/cao nhất)	Một số quy định cần lưu ý
		NSDLĐ	NLĐ	Tổng		
1.1	BHXH - ốm đau	3,0%	-	3,0%	Tiền lương tháng. (\geq mức tham chiếu/ lương cơ sở; \leq 20 lần mức tham chiếu/ lương cơ sở).	Theo Luật BHXH 2024: - Điều 31.1.dd: Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất bằng mức tham chiếu và cao nhất bằng 20 lần mức tham chiếu tại thời điểm đóng. - Điều 141.13: Khi chưa bãi bỏ mức lương cơ sở thì mức tham chiếu bằng mức lương cơ sở . Tại thời điểm mức lương cơ sở bị bãi bỏ thì mức tham chiếu không thấp hơn mức lương cơ sở đó.
1.2	BHXH - Thai sản					
1.3	BHXH - Hưu trí	14,0%	8,0%	22,0%		
1.4	BHXH - Tử tuất					

2	BHTN (đòi với người lao động Việt Nam)	1,0%	1,0%	2,0%	<p>Tiền lương tháng/ Quỹ tiền lương tháng.</p> <p>(=< 20 lần mức lương tối thiểu tháng theo vùng).</p>	<p>Theo Luật VL 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 33.1: NLĐ đóng tối đa bằng 1% tiền lương tháng và NSDLĐ đóng tối đa bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những NLĐ đang tham gia BHTN. - Điều 34.2: Tiền lương làm căn cứ đóng BHTN cao nhất bằng 20 lần mức lương tối thiểu tháng theo vùng do Chính phủ công bố tại thời điểm đóng BHTN.
3	BHTNLĐ-BNN	0,5%	-	0,5%	<p>Quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của NLĐ.</p> <p>(>= mức tham chiếu/ lương cơ sở; =< 20 lần mức tham chiếu/ lương cơ sở).</p>	<p>Theo Luật ANVSLĐ (VBHN) 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 44.1: NSDLĐ đóng tối đa 1% trên quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của NLĐ. <p>Theo Nghị định số 158/2025/NĐ-CP, ngày 25/6/2025, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2025 (Điều 43.2):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức đóng bình thường bằng 0,5% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc; hoặc - 0,3% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc được áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ đểm điều kiện theo quy định.

4	BHYT	3,0%	1,5%	4,5%	<p>Tiền lương tháng.</p> <p>(=< 20 lần mức tham chi\uu/lương cơ s\u).</p>	<p>Theo Luật BHYT (VBHN) 2024:</p> <p>– Điều 13.1.(a): Mức đóng t\ui đa bằng 6% tiền lương tháng, trong đó NSDLĐ đóng 2/3 và NLĐ đóng 1/3.</p> <p>– Điều 14.5: Mức tiền lương tháng t\ui đa đ\u tính s\u ti\un đóng BHYT là 20 lần mức tham chi\uu.</p> <p>Theo Nghị định s\u 188/2025/NĐ-CP, ngày 1/7/2025, có hiệu lực k\u từ ngày 15/8/2025 (Điều 6.1.(a)):</p> <p>– Mức đóng bằng 4,5% tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH b\ut bu\uc, trong đó NSDLĐ đóng 2/3 và NLĐ đóng 1/3.</p>
	T\ung	21,5%	10,5%	32,0%		

Từ bảng tổng hợp trên, có một số vấn đề sau cần lưu ý:

- Tổng mức đóng t \u i đa: Hiện tại, mức đóng BHTNLĐ-BNN và BHYT (theo quy định của Nghị định) đang thấp hơn so với mức t \u i đa (theo quy định của Luật). Vì vậy, nếu đóng đ \u theo mức t \u i đa, tổng mức đóng b \u o hi \u m b \u t bu \u c của NLĐ và NSDLĐ sẽ lên tới 34% (thay cho 32% như hiện tại), trong đó NLĐ đóng 11% (thay cho 10,5%) và NSDLĐ đóng 23% (thay cho 21,5%).

- Mức tham chi \u u, lương cơ s \u và ngưỡng đóng t \u i đa: Hiện tại, chúng tôi không thấy có quy định nào của Chính phủ về mức tham chi \u u cũng như mức lương cơ s \u đ \u NLĐ, NSDLĐ dùng làm căn cứ đóng BHXH, BHTNLĐ-BNN và BHYT. Nghị định s \u 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, có hiệu lực k \u từ ngày 1/7/2024, chỉ quy định mức lương cơ s \u áp dụng với đ \u i tượng là cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mà không áp dụng với đ \u i tượng là NLĐ, NSDLĐ. Tuy nhiên, chúng tôi hi \u u rằng mức lương

cơ s^ố được quy định tại Nghị định 73/2024/NĐ-CP có th^ể tiếp tục được viện d^{ẫn} làm căn cứ đ^ể NLĐ, NSDLĐ đóng BHXH, BHTNLĐ-BNN và BHYT trong năm 2026. Nếu vậy, với mức lương cơ s^ố hiện tại là 2.340.000 VND/ tháng, ngưỡng t^{ối} đa đóng BHXH, BHTNLĐ-BNN và BHYT hàng tháng có th^ể lên tới 46.800.000 VND trong năm 2026, tăng kho^{ảng} 20% so với 36.000.000 VND được áp dụng từ ngày 1/7/2023 đ^{ến} ngày 30/6/2024 và kho^{ảng} 57% so với 29.800.000 VND được áp dụng từ ngày 1/7/2019 đ^{ến} ngày 30/6/2023.

Riêng đ^{ối} với BHTN, thay vì dùng mức tham chi^{ều} hay lương cơ s^ố, Luật VL 2025 quy định mức lương t^{ối} thi^{ểu} vùng theo tháng làm căn cứ đ^ể đóng BHTN. Nghị định s^ố 293/2025/NĐ-CP, ngày 10/11/2025, có hiệu lực k^ể từ ngày 1/1/2026, quy định mức lương t^{ối} thi^{ểu} vùng theo tháng, tương ứng với Vùng I là 5.310.000 VND, Vùng II là 4.730.000 VND, Vùng III là 4.140.000 VND và Vùng IV là 3.700.000 VND. Như vậy, ngưỡng t^{ối} đa đóng BHTN hàng tháng tại Vùng I có th^ể lên tới 106.200.000.000 VND, tăng kho^{ảng} 7% so với 99.200.000 VND được áp dụng từ ngày 1/7/2024 đ^{ến} ngày 31/12/2025 và kho^{ảng} 13,5% so với 93.600.000 VND được áp dụng từ ngày 1/7/2022 đ^{ến} ngày 30/6/2024.

- Trường hợp NLĐ giao k^{ết} nhi^{ều} HĐLĐ: Luật BHXH 2024 (Đi^{ều} 2.5.(a)), quy định NLĐ giao k^{ết} HĐLĐ với nhi^{ều} NSDLĐ thì tham gia BHXH b^{ắt} buộc theo HĐLĐ giao k^{ết} đ^{ầu} tiên. Luật BHYT (VBHN) 2024 (Đi^{ều} 13.5.(b)), quy định NLĐ đ^{ang} thời có một hoặc nhi^{ều} HĐLĐ thì đóng BHYT theo HĐLĐ làm căn cứ tham gia BHXH b^{ắt} buộc (Trước đây, Luật BHYT quy định việc đóng BHYT theo HĐLĐ có mức ti^{ền} lương, ti^{ền} công cao nh^{ất}). Dù không có quy định cụ thể, song chúng tôi hi^{ệu} Luật VL 2025 cũng viện d^{ẫn} tới HĐLĐ làm căn cứ tham gia BHXH b^{ắt} buộc, đ^ể làm căn cứ đóng BHTN. Tuy nhiên, khác với Luật BHXH 2024, Luật BHYT (VBHN) 2024 và Luật VL 2025, Luật ANVSLĐ (VBHN) 2024 (Đi^{ều} 43.2), quy định trường hợp NLĐ giao k^{ết} HĐLĐ với nhi^{ều} NSDLĐ thì NSDLĐ ph^{ải} đóng BHTNLĐ-BNN theo từng HĐLĐ n^{ếu} người lao động thuộc đ^{ối} tượng ph^{ải} tham gia BHXH b^{ắt} buộc. Như vậy, đây là đi^{ểm} khác biệt cơ b^{ản} mà NSDLĐ c^{ần} lưu ý khi thực hiện ch^{ức}

độ BHTNLĐ-BNN so với các ch^o độ b^oo hi^om khác.

—